UBND HUYỆN BẢO LÂM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH KẾT QUẢ
CUỘC THI OLYMIPIC CÁC MÔN VĂN HOÁ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Thông báo số: 183 /TB - PGDĐT ngày 18/4/2025 của Phòng GDĐT Bảo Lâm)

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
1	1	01033	Huỳnh Quang Thoại	01/06/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A2	Toán học	11.25	Nhất
2	2	01022	Phan Thừa Nhiệm	15/01/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A6	Toán học	10.75	Nhì
3	3	01003	Đinh Thanh Gia Bảo	27/08/2010	Nam	TH&THCS Lương Thế Vinh	9A1	Toán học	10.50	Nhì
4	4	01004	Nguyễn Thanh Dung	18/1/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A1	Toán học	8.25	Ba
5	5	01037	Nguyễn Hoàng Vũ	02/06/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A1	Toán học	8.25	Ba
6	6	01031	Trần Duy Thiện	07/10/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A3	Toán học	7.50	Khuyến khích
7	7	01032	Trần Quang Thịnh	18/04/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A1	Toán học	7.50	Khuyến khích
8	8	01026	Lương Tú Quyên	25/03/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A5	Toán học	7.00	Khuyến khích
9	9	01038	Nguyễn Anh Vũ	30/09/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A6	Toán học	6.75	Khuyến khích
10	10	01021	Vưu Kim Ngọc	17/11/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A5	Toán học	6.50	Khuyến khích
11	11	01034	Lâm Thị Minh Thư	19/5/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A3	Toán học	6.50	Khuyến khích
12	12	01030	Nguyễn Vân Thiên	23/07/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A5	Toán học	6.25	Khuyến khích
13	13	01035	Nguyễn Minh Tuấn	14/02/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A1	Toán học	6.25	Khuyến khích
14	14	01011	Tô Thị Thu Hương	17/01/2010	Nữ	TH&THCS Lương Thế Vinh	9A2	Toán học	6.00	Khuyến khích
15	15	01019	Nguyễn Sơn Nam	01/11/2011	Nam	THCS Lộc Nam	8A1	Toán học	6.00	Khuyến khích

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
16	16	01002	Nguyễn Duy Bảo	12/11/2010	Nam	TH&THCS Lương Thế Vinh	9A1	Toán học	5.25	Khuyến khích
17	17	01025	Nguyễn Ngọc Bảo Quyên	09/02/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A1	Toán học	5.25	Khuyến khích
18	18	01017	Võ Gia Mẫn	30/01/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A4	Toán học	5.00	Khuyến khích
19	19	01015	Nguyễn Thanh Mai	11/02/2010	Nữ	TH&THCS Phan Bội Châu	9A1	Toán học	4.75	
20	20	01018	Vương Khả Đức Mạnh	25/03/2010	Nam	TH&THCS Lương Thế Vinh	9A2	Toán học	4.50	
21	21	01005	Nguyễn Thị Ngọc Dương	18/12/2010	Nữ	TH&THCS Phan Bội Châu	9A1	Toán học	4.00	
22	22	01006	Võ Nguyên Ngọc Hân	20/05/2011	Nữ	TH&THCS Lương Thế Vinh	8A1	Toán học	4.00	
23	23	01012	Lê Thị Thu Hường	11/03/2011	Nữ	TH&THCS Lương Thế Vinh	8A2	Toán học	4.00	
24	24	01020	Đào Thị Thảo Ngọc	25/11/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A3	Toán học	4.00	
25	25	01010	Lê Thị Ngọc Hương	06/02/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A4	Toán học	3.75	
26	26	01027	Nguyễn Trường Tài	10/10/2010	Nam	Trường THCS Lộc Thành	9A4	Toán học	3.75	
27	27	01036	Nguyễn Vĩnh	19/11/2010	Nam	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Toán học	3.75	
28	28	01016	Phạm Nguyễn Xuân Mai	31/01/2010	Nữ	TH&THCS Phan Bội Châu	9A1	Toán học	3.50	
29	29	01028	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	19/05/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Toán học	3.50	
30	30	01007	Phạm Thị Khánh Hà	09/09/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A2	Toán học	3.25	
31	31	01009	Vũ Thị Minh Hằng	30/1/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Toán học	3.25	
32	32	01008	Phạm Vũ Hoàng Hải	20/01/2010	Nam	TH&THCS Lê Lợi	9A1	Toán học	2.75	
33	33	01014	Huỳnh Gia Long	17/8/2009	Nam	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Toán học	2.75	
34	34	01001	Trần Hải An	27/01/2010	Nam	TH&THCS Lê Lợi	9A1	Toán học	2.50	
35	35	01023	Phạm Quỳnh Oanh	18/10/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A3	Toán học	2.50	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
36	36	01013	Nguyễn Thị Khánh Linh	07/11/2010	Nữ	TH&THCS Phan Bội Châu	9A1	Toán học	2.00	
37	37	01024	Huỳnh Lê Trung Quân	13/8/2010	Nam	THCS Hùng Vương	9A3	Toán học	1.25	
38	38	01029	Văn Minh Tâm	26/05/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A3	Toán học	vắng	
39	1	02008	Lê Doãn Tuấn Hưng	11/01/2010	Nam	THCS Nguyễn Du	9A2	Vật lý	12.50	Nhất
40	2	02021	Đặng Nguyễn Tường Vy	31/08/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8A3	Vật lý	10.50	Nhì
41	3	02023	Nguyễn Tấn Đạt	03/05/2010	Nam	TH&THCS Tây Sơn	9A1	Vật lý	10.25	Ba
42	4	02007	Ngô Thanh Huệ	05/09/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A5	Vật lý	9.75	Ba
43	5	02019	Nguyễn Duy Nhật Trường	10/11/2010	Nam	THCS Lộc Quảng	9A2	Vật lý	9.50	Khuyến khích
44	6	02024	Nguyễn Hữu Ngọc	23/03/2010	Nam	TH&THCS Tây Sơn	9A1	Vật lý	9.25	Khuyến khích
45	7	02006	Phan Thị Thu Hà	12/05/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A2	Vật lý	8.50	Khuyến khích
46	8	02011	Lê Thị Trà My	02/07/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a5	Vật lý	8.00	Khuyến khích
47	9	02005	Nguyễn Lê Anh Duy	26/02/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A1	Vật lý	7.25	Khuyến khích
48	10	02022	Phạm Nhật Khôi	06/09/2010	Nam	TH&THCS Tây Sơn	9A1	Vật lý	7.00	Khuyến khích
49	11	02009	Nguyễn Minh Khang	22/8/2010	Nam	THCS Hùng Vương	9A2	Vật lý	6.75	Khuyến khích
50	12	02017	Phạm Thùy Trang	03/02/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Vật lý	6.50	Khuyến khích
51	13	02004	Phùng Thị Bích Dung	17/10/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A4	Vật lý	6.25	Khuyến khích
52	14	02014	Trần Ngọc Thủy Tiên	14/9/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a5	Vật lý	6.25	Khuyến khích
53	15	02013	Lê Hoàng Bích Thuỷ	02/06/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Vật lý	6.00	
54	16	02020	Ngô Phương Vy	20/01/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A2	Vật lý	5.75	
55	17	02016	Phan Lưu Bảo Trâm	31/07/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A5	Vật lý	5.25	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
56	18	02012	Trần Uyên Nhi	16/6/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Vật lý	4.50	
57	19	02001	Đặng Tiến An	10/10/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A1	Vật lý	4.00	
58	20	02002	Nguyễn Thúy Quỳnh Chi	10/12/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Vật lý	4.00	
59	21	02003	Nguyễn Ngọc Đức	12/01/2010	Nam	THCS Nguyễn Du	9A2	Vật lý	4.00	
60	22	02015	Lê Thị Thuỷ Tiên	05/06/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Vật lý	4.00	
61	23	02018	Trần Thị Thanh Trúc	09/05/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A4	Vật lý	3.75	
62	24	02010	Đặng Ngọc Minh	08/09/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A5	Vật lý	2.50	
63	1	03002	Thới Võ Công Anh	17/8/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A2	Hoá học	15.00	Nhất
64	2	03013	Trần Hạnh Thuỷ Ngân	01/09/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A4	Hoá học	12.00	Nhì
65	3	03007	Lê Mai Hà	30/08/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A4	Hoá học	11.25	Ba
66	4	03004	Nguyễn Vũ Đại	02/02/2010	Nam	THCS Lộc Nam	9A1	Hoá học	11.00	Ba
67	5	03017	Dương Quỳnh Như	31/03/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A6	Hoá học	9.00	Khuyến khích
68	6	03014	Phan Quỳnh Bảo Ngọc	11/11/2009	Nữ	THCS Trần Phú	9A6	Hoá học	8.00	Khuyến khích
69	7	03015	Đinh Thị Thanh Nhàn	19/8/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A2	Hoá học	8.00	Khuyến khích
70	8	03003	Lê Ngọc Ánh	29/9/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Hoá học	7.00	Khuyến khích
71	9	03010	Bùi Ngọc Bảo Linh	24/02/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A4	Hoá học	6.50	Khuyến khích
72	10	03019	Lê Nguyễn Ngọc Thạch	11/12/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A5	Hoá học	6.50	Khuyến khích
73	11	03005	Mai Phương Hồng Diệp	07/05/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A1	Hoá học	6.25	Khuyến khích
74	12	03021	Nguyễn Huỳnh Cẩm Vân	13/03/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A1	Hoá học	6.25	Khuyến khích
75	13	03018	Đặng Đức Phương	26/04/2010	Nam	THCS Trần Phú	9a1	Hoá học	6.00	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
76	14	03011	Nguyễn Bùi Khánh Linh	11/6/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A2	Hoá học	5.50	
77	15	03016	Nguyễn Hiền Nhi	19/6/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A2	Hoá học	5.50	
78	16	03001	Mai Hoàng Kiều An	04/10/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A1	Hoá học	4.00	
79	17	03006	Nguyễn Hoàng Dũng	26/3/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A5	Hoá học	4.00	
80	18	03009	Nguyễn Ngọc Hòa	12/09/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Hoá học	4.00	
81	19	03020	Võ Nguyễn Anh Thy	06/02/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8A1	Hoá học	3.75	
82	20	03012	Nguyễn Đỗ Anh Minh	23/7/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A2	Hoá học	3.25	
83	21	03008	Vũ Quang Hiệp	21/01/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A3	Hoá học	2.75	
84	1	04018	Nguyễn Chí Thắng	25/8/2010	Nam	THCS Trần Phú	9a1	Sinh học	13.625	Nhất
85	2	04012	Đỗ Thị Thúy Kiều	29/01/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a2	Sinh học	12.875	Nhì
86	3	04009	Vũ Thị Hương Giang	04/11/2010	Nữ	Trường THCS Hùng Vương	9A1	Sinh học	12.750	Ba
87	4	04004	Cao Thị Xuân Anh	22/05/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A2	Sinh học	12.125	Ba
88	5	04014	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	12/7/2010	Nữ	THC Trần Phú	9a4	Sinh học	9.625	Khuyến khích
89	6	04015	Nguyễn Ngọc Tâm Như	12/7/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a4	Sinh học	9.625	Khuyến khích
90	7	04019	Phan Văn Thắng	24/1/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a5	Sinh học	9.625	Khuyến khích
91	8	04008	Vũ Thành Đạt	02/01/2010	Nam	TH&THCS Lê Lợi	9a1	Sinh học	9.500	Khuyến khích
92	9	04016	Trần Mạnh Quân	16/08/2010	Nam	THCS & THPT Lộc Bắc	9A2	Sinh học	9.375	Khuyến khích
93	10	04006	Trần Hoàng Khánh Băng	20/02/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A2	Sinh học	9.125	Khuyến khích
94	11	04021	Hoàng Phương Thảo	26/04/2010	Nữ	TH&THCS Lê Lợi	9a1	Sinh học	8.875	Khuyến khích
95	12	04017	Hoàng Quốc Thái	11/04/2010	Nam	THCS Lộc Quảng	9A1	Sinh học	8.750	Khuyến khích

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
96	13	04022	Khúc Phạm Phương Thuỳ	04/01/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Sinh học	8.625	Khuyến khích
97	14	04010	Nguyễn Thúy Hằng	20/08/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a5	Sinh học	7.875	
98	15	04013	Lê Thị Cẩm Ly	20/02/2010	Nữ	THCS & THPT Lộc Bắc	9A1	Sinh học	7.750	
99	16	04007	Đoàn Diệu Châu	13/09/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A1	Sinh học	7.500	
100	17	04002	Nguyễn Bảo Anh	8/3/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a1	Sinh học	6.375	
101	18	04005	Trịnh Hoàng Trâm Anh	27/02/2010	Nữ	Trường THCS Hùng Vương	9A1	Sinh học	6.250	
102	19	04020	Nguyễn Bảo Thiên Thanh	09/05/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Sinh học	5.875	
103	20	04011	Tạ Minh Khang	05/01/2010	Nam	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Sinh học	5.500	
104	21	04023	Trần Hà Bảo Uyên	05/10/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a5	Sinh học	5.000	
105	22	04001	Lâm Bảo Gia An	31/7/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a5	Sinh học	3.625	
106	23	04003	Lương Hoàng Anh	2/10/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a3	Sinh học	3.625	
107	1	05002	Nguyễn Phạm Bảo An	30/08/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a6	Ngữ văn	12.00	Nhất
108	2	05030	Trần Nguyễn Bảo Nhi	25/7/2011	Nữ	THCS Hùng Vương	8A2	Ngữ văn	11.50	Nhì
109	3	05019	Hồ Hoàng Khánh Linh	30/9/2010	Nữ	TH&THCS Tây Sơn	9a1	Ngữ văn	9.50	Ba
110	4	05020	Vũ Thùy Linh	22/02/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A3	Ngữ văn	9.50	Ba
111	5	05029	Ngô Vũ Tâm Nguyên	23/4/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9A3	Ngữ văn	9.50	Ba
112	6	05040	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/3/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A4	Ngữ văn	9.50	Ba
113	7	05018	Bùi Quang Huy	24/3/2010	Nam	THCS Lộc Thành	9A4	Ngữ văn	9.25	Khuyến khích
114	8	05032	Đăng Vũ Ngọc Nhi	26/06/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a2	Ngữ văn	9.25	Khuyến khích
115	9	05006	Nguyễn Thị Khánh Băng	11/12/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A3	Ngữ văn	9.00	Khuyến khích

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
116	10	05021	Phan Thị Ngọc Loan	15/3/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A1	Ngữ văn	9.00	Khuyến khích
117	11	05001	Lương Xuân An	14/02/2010	Nam	TH & THCS Bế Văn Đàn	9A	Ngữ văn	8.75	Khuyến khích
118	12	05009	Nguyễn Phan Quỳnh Chi	5/2/2010	Nữ	TH&THCS Tây Sơn	9a1	Ngữ văn	8.50	Khuyến khích
119	13	05022	Trần Thăng Long	19/10/2010	Nam	Trường THCS Lộc Nam	9A5	Ngữ văn	8.50	Khuyến khích
120	14	05023	Lâm Huỳnh Thảo My	03/05/2010	Nữ	Trường THCS Lộc Nam	9A4	Ngữ văn	8.50	Khuyến khích
121	15	05017	Cao Thị Hiếu	30/7/2010	Nữ	THCS&THPT Lộc Bắc	9A1	Ngữ văn	8.25	Khuyến khích
122	16	05034	Đoàn Ngọc Quỳnh Như	24/01/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a3	Ngữ văn	8.25	Khuyến khích
123	17	05035	Bùi Thị Hồng Nhung	26/8/2010	Nữ	TH&THCS Tây Sơn	9a1	Ngữ văn	8.00	Khuyến khích
124	18	05052	Trần Ngoc Thảo Uyên	23/07/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a2	Ngữ văn	8.00	Khuyến khích
125	19	05012	Nguyễn Thị Kỳ Duyên	23/7/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9A1	Ngữ văn	7.75	Khuyến khích
126	20	05016	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/5/2010	Nữ	TH&THCS Lê Lợi	9A1	Ngữ văn	7.75	Khuyến khích
127	21	05024	Nguyễn Ngọc Kiều My	05/03/2011	Nữ	TH&THCS Vừ A Dính	8A2	Ngữ văn	7.75	Khuyến khích
128	22	05033	Phan Thị Yến Nhi	01/10/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a3	Ngữ văn	7.75	Khuyến khích
129	23	05047	Trương Ngọc Trinh	21/2/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A1	Ngữ văn	7.75	Khuyến khích
130	24	05013	Chu Trà Giang	15/6/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a5	Ngữ văn	7.50	Khuyến khích
131	25	05026	Nguyễn Trần Thanh Ngọc	10/5/2010	Nữ	TH&THCS Tây Sơn	9a1	Ngữ văn	7.50	Khuyến khích
132	26	05037	Vi Hà Phương	11/05/2011	Nữ	TH&THCS Vừ A Dính	8A2	Ngữ văn	7.50	Khuyến khích
133	27	05043	Phạm Anh Thư	22/2/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9A3	Ngữ văn	7.50	Khuyến khích
134	28	05044	Nguyễn Trần Minh Thư	01/8/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9A3	Ngữ văn	7.50	Khuyến khích
135	29	05049	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	12/9/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A3	Ngữ văn	7.50	Khuyến khích

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
136	30	05003	Trần Xuân Vũ Kim Anh	26/4/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A2	Ngữ văn	7.25	
137	31	05014	Trần Gia Hân	03/10/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a6	Ngữ văn	7.25	
138	32	05027	Nguyễn Như Ngọc	25/5/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9A1	Ngữ văn	7.25	
139	33	05036	Hồ Gia Phúc	30/8/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A4	Ngữ văn	7.25	
140	34	05045	Nguyễn Đàm Khánh Thy	16/8/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a1	Ngữ văn	7.25	
141	35	05053	Phạm Hà Vân	26/10/2010	Nữ	TH&THCS Vừ A Dính	9A2	Ngữ văn	7.25	
142	36	05004	Đinh Bá Hoàng Anh	29/6/2010	Nam	TH&THCS Tây Sơn	9a1	Ngữ văn	7.00	
143	37	05010	Lê Ngọc Diệp	27/01/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9A1	Ngữ văn	7.00	
144	38	05041	Cao Thị Thiên Thư	19/01/2010	Nữ	TH & THCS Bế Văn Đàn	9A	Ngữ văn	7.00	
145	39	05051	Lê Thi Bảo Uyên	05/11/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a3	Ngữ văn	7.00	
146	40	05011	Hồ Hoàng Trung Dũng	14/10/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a3	Ngữ văn	6.75	
147	41	05015	Trần Thị Mỹ Hằng	26/4/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A3	Ngữ văn	6.75	
148	42	05028	Hoàng Nguyễn Thảo Nguy	28/05/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A1	Ngữ văn	6.75	
149	43	05031	Trần Gia Nhi	21/08/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A2	Ngữ văn	6.75	
150	44	05046	Mông Thị Bích Trâm	16/10/2010	Nữ	THCS&THPT Lộc Bắc	9A2	Ngữ văn	6.50	
151	45	05039	Ka Rọ	11/01/2009	Nữ	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	9	Ngữ văn	6.25	
152	46	05005	Mai Minh Anh	19/03/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A1	Ngữ văn	6.00	
153	47	05054	Hoàng Lê Tường Vy	17/4/2010	Nữ	TH&THCS Lê Lợi	9A1	Ngữ văn	6.00	
154	48	05038	Bùi Ngọc Tú Quỳnh	9/10/2010	Nữ	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A1	Ngữ văn	5.75	
155	49	05042	Trần Nguyễn Minh Thư	05/02/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A3	Ngữ văn	5.50	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
156	50	05008	La Hà Bích	29/9/2010	Nữ	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A1	Ngữ văn	5.00	
157	51	05025	Vũ Thị Kim Ngân	26/08/2010	Nữ	THCS Nguyễn Du	9A1	Ngữ văn	5.00	
158	52	05050	Đỗ Phương Uyên	01/09/2010	Nữ	TH & THCS Bế Văn Đàn	9A	Ngữ văn	4.25	
159	53	05048	Lê Thị Thanh Trúc	15/9/2010	Nữ	TH & THCS Bế Văn Đàn	9A	Ngữ văn	3.25	
160	54	05007	Trần Thanh Thái Bảo	10/02/2010	Nam	THCS Nguyễn Du	9A1	Ngữ văn	3.00	
161	1	06011	Phan Hoài Đức	05/01/2011	Nam	TH & THCS Bế Văn Đàn	8A2	Lịch sử	13.00	Nhất
162	2	06026	Nguyễn Châu Ngọc Nhi	26/3/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A3	Lịch sử	12.25	Nhì
163	3	06045	Lợi Thị Bích Xuân	15/6/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A1	Lịch sử	11.50	Ba
164	4	06034	Tăng Thụy Thanh Tâm	02/10/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A4	Lịch sử	11.25	Ba
165	5	06022	Ngọc Mi Na	01/01/2010	Nữ	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A1	Lịch sử	11.00	Ba
166	6	06044	Lương Minh Vũ	15/09/2011	Nam	TH & THCS Bế Văn Đàn	8A2	Lịch sử	11.00	Ba
167	7	06035	Hồ Phương Thảo	27/4/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Lịch sử	10.75	Khuyến khích
168	8	06043	Hồ Ngọc Thanh Tuyền	19/5/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9a2	Lịch sử	10.75	Khuyến khích
169	9	06006	Đặng Ngọc Ánh	29/10/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9a2	Lịch sử	10.50	Khuyến khích
170	10	06040	Thiếm Thị Hồng Trâm	26/6/2010	Nữ	TH & THCS Bế Văn Đàn	9A	Lịch sử	10.00	Khuyến khích
171	11	06039	Trần Thị Thanh Thủy	30/05/2010	Nữ	TH&THCS Phan Chu Trinh	9A2	Lịch sử	9.25	Khuyến khích
172	12	06007	Lương Thị Ngọc Ánh	16/08/2010	Nữ	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A2	Lịch sử	8.75	Khuyến khích
173	13	06024	Dương Quỳnh Thanh Nhi	10/10/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A4	Lịch sử	8.50	Khuyến khích
174	14	06019	Trần Thùy Linh	03/01/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A4	Lịch sử	7.75	Khuyến khích
175	15	06029	Lục Thị Hồng Nhung	17/6/2010	Nữ	TH & THCS Bế Văn Đàn	9A	Lịch sử	7.75	Khuyến khích

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
176	16	06033	Ka Ly Sơ	6/9/2010	Nữ	Trường THCS Phạm Văn Đồn	9A1	Lịch sử	7.75	Khuyến khích
177	17	06004	Trần Thị Kim Anh	28/06/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9a1	Lịch sử	7.50	Khuyến khích
178	18	06008	Hồ Gia Bảo	04/10/2010	Nam	THCS Lộc Nam	9a3	Lịch sử	7.50	Khuyến khích
179	19	06023	Nguyễn Như Ngọc	06/10/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A1	Lịch sử	7.50	Khuyến khích
180	20	06009	Nguyễn Thị Ngọc Bích	04/10/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8a4	Lịch sử	7.25	Khuyến khích
181	21	06037	Ka Thiết	30/6/2010	Nữ	TH&THCS Phan Chu Trinh	9A2	Lịch sử	7.25	Khuyến khích
182	22	06031	Nguyễn Như Diễm Quỳnh	04/8/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A1	Lịch sử	6.75	Khuyến khích
183	23	06036	Ka Thiết	13/5/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9a1	Lịch sử	6.75	Khuyến khích
184	24	06012	Lâm Minh Dương	22/01/2011	Nam	TH & THCS Bế Văn Đàn	8A1	Lịch sử	6.25	Khuyến khích
185	25	06002	Trần Thị Lan Anh	11/2/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A1	Lịch sử	5.75	
186	26	06013	Chu Thị Thuỳ Dương	25/06/2011	Nữ	TH & THCS Bế Văn Đàn	8A2	Lịch sử	5.75	
187	27	06020	Trần Khánh Ly	28/1/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A3	Lịch sử	5.75	
188	28	06030	Rơkáp Ka Nụy	10/02/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9a3	Lịch sử	5.50	
189	29	06001	Nguyễn Thị Hoài An	8/6/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A2	Lịch sử	5.25	
190	30	06038	Phạm Mai Thương	27/6/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A2	Lịch sử	5.00	
191	31	06016	Hoàng Mai Lan	25/12/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9a2	Lịch sử	4.50	
192	32	06041	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	24/1/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A2	Lịch sử	4.50	
193	33	06042	Ngô Thị Kiều Trinh	15/08/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A1	Lịch sử	4.50	
194	34	06032	Nguyễn Xuân Quỳnh	9/10/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A2	Lịch sử	4.25	
195	35	06010	Đỗ Hương Dâng	2/4/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A2	Lịch sử	3.75	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
196	36	06015	Nguyễn Phạm Hà Lâm	26/9/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A6	Lịch sử	3.75	
197	37	06021	Nguyễn Ngọc Trà My	14/01/2010	Nữ	TH&THCS Nguyễn Bỉnh Khi	9a2	Lịch sử	3.75	
198	38	06018	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	20/11/2010	Nữ	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	9	Lịch sử	3.50	
199	39	06028	Đinh Ngọc Quỳnh Như	27/05/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9a4	Lịch sử	2.50	
200	40	06014	Phạm Thị Thanh Hà	03/5/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A2	Lịch sử	2.25	
201	41	06017	Lê Vũ Phương Linh	12/12/2010	Nữ	TH&THCS Nguyễn Bỉnh Khiê	9a2	Lịch sử	2.25	
202	42	06027	Ka Nhu	24/10/2010	Nữ	TH&THCS Phan Chu Trinh	9A2	Lịch sử	2.25	
203	43	06005	Diêm Thị Bảo Anh	5/11/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A1	Lịch sử	2.00	
204	44	06003	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	07/9/2010	Nữ	TH&THCS Nguyễn Bỉnh Khi	9a2	Lịch sử	1.25	
205	45	06025	Dương Quỳnh Thanh Nhi	10/10/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A4	Lịch sử	trùng tên	
206	1	07016	Liễu Nguyễn Diệu Linh	03/12/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A4	Địa lý	17.25	Nhất
207	2	07015	Hoàng Nguyễn Phương Lin	01/07/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a3	Địa lý	14.00	Nhì
208	3	07027	Nguyễn Thị Quỳnh Như	27/5/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A2	Địa lý	13.50	Ba
209	4	07037	Trần Thị Anh Thư	27/01/2010	Nữ	THCS&THPT Lộc Bắc	9A3	Địa lý	13.50	Ba
210	5	07004	Nguyễn Viết Cường	11/05/2010	Nam	Trường THCS Lộc Thành	9A2	Địa lý	13.25	Ba
211	6	07007	Nguyễn Thanh Hằng	24/5/2010	Nữ	THCS&THPT Lộc Bắc	9A2	Địa lý	13.25	Ba
212	7	07010	Nguyễn Vĩnh Khang	18/07/2010	nam	THCS Trần Phú	9a4	Địa lý	13.25	Ba
213	8	07026	Lê Võ quỳnh Như	21/10/2010	Nữ	TH&THCS Tây Sơn	9A1	Địa lý	13.00	Khuyến khích
214	9	07033	Chu Quốc Thịnh	12/9/2010	Nam	Trường THCS Lộc Thành	9A4	Địa lý	12.75	Khuyến khích
215	10	07001	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	05/05/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A4	Địa lý	12.50	Khuyến khích

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
216	11	07014	Đinh Thùy Linh	08/02/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9a4	Địa lý	12.50	Khuyến khích
217	12	07018	Phạm Mến	24/09/2010	Nam	THCS Trần Phú	9a5	Địa lý	12.50	Khuyến khích
218	13	07025	Đồng Thảo Nhi	23/01/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A4	Địa lý	12.00	Khuyến khích
219	14	07012	K' Kỹ	04/06/2010	Nam	TH&THCS Phan Chu Trinh	9A1	Địa lý	11.25	Khuyến khích
220	15	07023	Phạm Quỳnh Phương Nga	21/9/2010	Nữ	THCS&THPT Lộc Bắc	9A3	Địa lý	11.00	Khuyến khích
221	16	07031	Ka The	27/04/2010	Nữ	TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	9A	Địa lý	11.00	Khuyến khích
222	17	07030	Ka Sản	13/04/2010	Nữ	TH&THCS Phan Chu Trinh	9A1	Địa lý	10.75	Khuyến khích
223	18	07035	Trần Ngọc Anh Thư	11/03/2010	Nữ	Trường THCS Nguyễn Du	9A2	Địa lý	10.75	Khuyến khích
224	19	07043	Lê Thụy Tâm Vân	05/07/2010	nữ	THCS Trần Phú	9a6	Địa lý	10.75	Khuyến khích
225	20	07034	Nguyễn Phạm Minh Thư	06/03/2010	Nữ	TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	9A	Địa lý	10.50	Khuyến khích
226	21	07039	Cao Thị Hương Trà	28/04/2011	Nữ	Trường THCS Nguyễn Du	8A1	Địa lý	10.50	Khuyến khích
227	22	07019	Ka Mi	31/05/2010	Nữ	TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	9A	Địa lý	10.25	Khuyến khích
228	23	07032	Lê Ngọc Tú Thi	03/01/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A2	Địa lý	10.25	Khuyến khích
229	24	07036	Phan Thị Anh Thư	16/07/2010	nữ	THCS Trần Phú	9a6	Địa lý	10.25	Khuyến khích
230	25	07021	Lê Phương Nam	22/3/2010	Nam	THCS Hùng Vương	9A3	Địa lý	10.00	Khuyến khích
231	26	07040	Trương Thị Phương Trang	16/06/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A4	Địa lý	10.00	Khuyến khích
232	27	07013	Nguyễn Nhật Phương Linh	17/09/2011	Nữ	THCS Nguyễn Du	8A1	Địa lý	9.75	Khuyến khích
233	28	07005	K' Dương	23/01/2010	Nam	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A1	Địa lý	9.25	
234	29	07044	Trần Thị Thanh Vy	20/05/2010	Nữ	TH&THCS Tây Sơn	9A1	Địa lý	9.25	
235	30	07002	Ka Thiên Chấm	22/10/2010	Nữ	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A2	Địa lý	9.00	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
236	31	07029	Ka Săm	06/09/2009	Nữ	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A2	Địa lý	9.00	
237	32	07042	Mai Tú Uyên	21/3/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A3	Địa lý	9.00	
238	33	07006	Nguyễn Gia Hân	05/01/2010	Nữ	Trường THCS Lộc Thành	9A2	Địa lý	8.75	
239	34	07009	Nguyễn Thu Huyền	6/8/2010	Nữ	Trường THCS Lộc Ngãi B	9A3	Địa lý	8.75	
240	35	07024	Trương Thị Hồng Ngọc	20/5/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A2	Địa lý	8.75	
241	36	07011	Vũ Anh Khoa	22/8/2010	Nam	THCS Lộc Ngãi B	9A2	Địa lý	8.50	
242	37	07028	Trịnh Thị Tuyết Nhung	25/9/2010	Nữ	TH&THCS Tây Sơn	9A1	Địa lý	8.25	
243	38	07017	Tống Thị Khánh Ly	18/11/2010	Nữ	THCS Lộc Ngãi B	9A2	Địa lý	8.00	
244	39	07038	Trần Thị Bảo Thi	25/03/2010	Nữ	TH&THCS Phan Chu Trinh	9A1	Địa lý	7.75	
245	40	07045	Ka Vy	31/05/2010	Nữ	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A1	Địa lý	7.75	
246	41	07047	Trần Thị Ngọc Yến	03/06/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A5	Địa lý	7.50	
247	42	07046	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2010	nữ	THCS Trần Phú	9a3	Địa lý	7.00	
248	43	07020	Nông Thị Trà Mi	29/11/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A2	Địa lý	6.75	
249	44	07022	Trần Hạo Nam	12/08/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A2	Địa lý	6.75	
250	45	07003	Ngô Khánh Chi	05/2/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A1	Địa lý	6.50	
251	46	07041	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc	01/09/2011	Nữ	Trường THCS Nguyễn Du	8A1	Địa lý	6.25	
252	47	07008	Đặng Thu Hiền	20/10/2010	Nữ	Trường THCS Lộc Ngãi B	9A1	Địa lý	5.25	
253	1	08001	Hoàng Trần Phương Anh	31/12/2011	Nữ	THCS Nguyễn Du	8A2	Tiếng Anh	17.65	Nhất
254	2	08018	Nguyễn Trần Ngọc Lan	07/04/2010	Nữ	THCS Quang Trung	9A2	Tiếng Anh	15.60	Nhì
255	3	08002	Đoàn Văn Quang Anh	04/10/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A3	Tiếng Anh	15.55	Nhì

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
256	4	08028	Phạm Bảo Ngọc	28/02/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A3	Tiếng Anh	15.15	Ba
257	5	08003	Đoàn Ngọc Hiền Anh	04/10/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A4	Tiếng Anh	14.90	Ba
258	6	08013	Bùi Thị Thanh Hòa	14/09/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A6	Tiếng Anh	14.45	Ba
259	7	08029	Lê Hạnh Nguyên	10/03/2010	Nữ	THCS Lộc Thành	9A3	Tiếng Anh	14.10	Ba
260	8	08036	Phan Hiếu Minh Thư	17/3/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8A2	Tiếng Anh	14.05	Ba
261	9	08004	Nguyễn Hà Anh	02/01/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A2	Tiếng Anh	13.50	Khuyến khích
262	10	08022	Nguyễn Khánh Linh	15/4/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A1	Tiếng Anh	13.15	Khuyến khích
263	11	08017	Trần Hoàng Lâm	14/01/2010	Nam	THCS Trần Phú	9A1	Tiếng Anh	13.05	Khuyến khích
264	12	08027	Nguyễn Ngọc Vân Nghi	23/03/2011	Nữ	THCS Quang Trung	8A1	Tiếng Anh	12.30	Khuyến khích
265	13	08044	Võ Ngọc Như Ý	12/6/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A1	Tiếng Anh	11.95	Khuyến khích
266	14	08035	Phùng Minh Thư	15/07/2010	Nữ	TH&THCS Lương Thế Vinh	9A1	Tiếng Anh	11.90	Khuyến khích
267	15	08043	Vương Minh Vũ	16/02/2011	Nam	THCS Lộc Nam	8A4	Tiếng Anh	11.85	Khuyến khích
268	16	08010	Phạm Khánh Đăng	20/07/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A2	Tiếng Anh	11.75	Khuyến khích
269	17	08025	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	27/12/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8A4	Tiếng Anh	11.55	Khuyến khích
270	18	08012	Lê Trần Ngọc Hà	17/6/2011	Nữ	THCS Quang Trung	8A2	Tiếng Anh	10.55	Khuyến khích
271	19	08031	Phạm Lê Trí Nguyên	16/01/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A4	Tiếng Anh	10.10	Khuyến khích
272	20	08024	Phạm Thị Quỳnh Nga	12/11/2010	Nữ	TH&THCS Lương Thế Vinh	9A1	Tiếng Anh	9.95	Khuyến khích
273	21	08034	Trần Minh Phương	06/01/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A3	Tiếng Anh	9.90	Khuyến khích
274	22	08021	Trần Ngọc Khánh Linh	06/03/2010	Nữ	THCS Trần Phú	9A2	Tiếng Anh	9.55	Khuyến khích
275	23	08040	Trương Bùi Ngọc Trang	24/08/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8A1	Tiếng Anh	9.40	Khuyến khích

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
276	24	08006	Nông Thái Bảo	06/07/2010	Nam	PT DTNT THCS Bảo Lâm	9A1	Tiếng Anh	8.90	Khuyến khích
277	25	08005	Trần Phan Mai Anh	07/06/2011	Nữ	THCS Quang Trung	8A3	Tiếng Anh	8.35	Khuyến khích
278	26	08039	Đồng Lê Thùy Trang	29/06/2011	Nữ	THCS Nguyễn Du	8A2	Tiếng Anh	8.25	Khuyến khích
279	27	08007	Nguyễn Gia Bảo	25/12/2010	Nam	THCS Phạm Văn Đồng	9A3	Tiếng Anh	7.15	
280	28	08023	Bùi Lê Quang Lộc	01/11/2011	Nam	THCS Nguyễn Du	8A1	Tiếng Anh	7.15	
281	29	08009	Vũ Kim Chi	29/3/2010	Nữ	THCS-THPT Lộc Bắc	9A2	Tiếng Anh	6.90	
282	30	08020	Lê Hoàng Hương Linh	10/11/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8A2	Tiếng Anh	6.60	
283	31	08042	Hoàng Khánh Uyên	03/11/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A1	Tiếng Anh	6.60	
284	32	08014	Nguyễn Đức Hòa	22/09/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A2	Tiếng Anh	6.40	
285	33	08026	Nguyễn Ngọc Cao Ngân	10/11/2010	Nữ	THCS Hùng Vương	9A2	Tiếng Anh	6.35	
286	34	08016	Nguyễn Văn Trung Kiên	28/7/2010	Nam	THCS Phạm Văn Đồng	9A2	Tiếng Anh	5.80	
287	35	08008	Hồ Vũ Linh Chi	08/8/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8A3	Tiếng Anh	5.50	
288	36	08030	Trần Tú Nguyên	10/02/2011	Nữ	THCS Lộc Nam	8A4	Tiếng Anh	5.45	
289	37	08038	Trần Thị Quỳnh Trâm	20/8/2010	Nữ	THCS&THPT Lộc Bắc	9A3	Tiếng Anh	5.45	
290	38	08032	Nguyễn Trần Bảo Như	23/10/2010	Nữ	THCS Lộc Quảng	9A1	Tiếng Anh	5.40	
291	39	08037	Vũ Nguyễn Quốc Toản	10/12/2009	Nam	THCS Nguyễn Du	9A1	Tiếng Anh	5.35	
292	40	08041	Lục Hà Kiều Trinh	05/01/2011	Nữ	THCS Quang Trung	8A2	Tiếng Anh	5.25	
293	41	08019	Thạch Nhã Linh	17/5/2010	Nữ	TH&THCS Phan Bội Châu	9A2	Tiếng Anh	5.00	
294	42	08033	Huỳnh Nhật Phi	22/2/2010	Nam	THCS Phạm Văn Đồng	9A3	Tiếng Anh	5.00	
295	43	08011	Đoàn Ngọc Diễm	11/5/2010	Nữ	THCS Phạm Văn Đồng	9A2	Tiếng Anh	3.85	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
296	44	08015	Nguyễn Khoa	19/06/2011	Nam	THCS Lộc Nam	8A1	Tiếng Anh	3.70	
297	1	09005	Bùi Nguyên Dũng	05/06/2010	Nam	THCS Hùng Vương	9A1	Tin học	280.00	Nhất
298	2	09011	Nguyễn Trí Đức Minh	27/02/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A4	Tin học	260.00	Nhì
299	3	09004	Nguyễn Đỗ Thành Đạt	14/04/2010	Nam	THCS & THPT Lộc Bắc	9A3	Tin học	220.00	Ba
300	4	09003	Nguyễn Tấn Đạt	26/08/2010	Nam	THCS Phạm Văn Đồng	9A3	Tin học	210.00	Ba
301	5	09014	Đinh Thiên Phúc	25/09/2012	Nam	THCS & THPT Lộc Bắc	7A4	Tin học	190.00	Khuyến khích
302	6	09018	Lê Tuấn Thịnh	16/01/2011	Nam	THCS Quang Trung	8A5	Tin học	190.00	Khuyến khích
303	7	09017	Cao Bá Thiên	19/09/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A5	Tin học	180.00	Khuyến khích
304	8	09019	Hà Thị Phương Trang	01/01/2011	Nữ	THCS Trần Phú	8a2	Tin học	175.00	Khuyến khích
305	9	09007	Trần Thị Thu Hiền	10/01/2010	Nữ	THCS Lộc Nam	9A1	Tin học	160.00	Khuyến khích
306	10	09010	Hồ Sơn Lâm	18/08/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a6	Tin học	160.00	Khuyến khích
307	11	09012	Đặng Trung Nguyễn	26/06/2011	Nam	THCS Quang Trung	8A3	Tin học	160.00	Khuyến khích
308	12	09015	K' Yon Phạm Thế	22/02/2010	Nam	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A2	Tin học	150.00	
309	13	09016	K' Chu Viết Thiên	08/01/2010	Nam	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9A2	Tin học	150.00	
310	14	09002	Châu Nhật Đăng	05/01/2010	Nam	THCS Quang Trung	9A1	Tin học	40.00	
311	15	09008	Bùi Hoàng Huy	23/06/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a3	Tin học	40.00	
312	16	09013	Phạm Trần Chấn Phong	21/06/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a2	Tin học	40.00	
313	17	09006	Võ Phạm Duy	15/09/2011	Nam	THCS Trần Phú	8a2	Tin học	30.00	
314	18	09009	Bùi Nguyên Khởi	24/05/2011	Nam	THCS Lộc Quảng	9A8	Tin học	30.00	
315	19	09001	Phạm Ngọc Linh Đan	07/02/2012	Nữ	THCS Quang Trung	7A2	Tin học	20.00	

TT	STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
316	20	09020	Lê Trần Hoàng Vỹ	17/01/2010	Nam	THCS Hùng Vương	9A2	Tin học	20.00	

Tổng danh sách 316 học sinh

37vật